

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2150/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 07 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy hoạch điều chỉnh, bổ sung phát triển giao thông vận tải tỉnh Sơn La giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008; Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 và số 48/2014/QH13 ngày 17/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Chiến lược phát triển GTVT Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1959/QĐ-TTg ngày 29/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sơn La đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về việc Thông qua quy hoạch điều chỉnh, bổ sung phát triển giao thông vận tải tỉnh giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sơn La,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch điều chỉnh, bổ sung phát triển giao thông vận tải tỉnh Sơn La giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030, với những nội dung chủ yếu sau:

I. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

1. Quan điểm

- Giao thông vận tải cần ưu tiên đầu tư phát triển đi trước một bước, tạo tiền đề cho các ngành kinh tế phát triển phù hợp chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020; chiến lược và các quy hoạch phát triển giao thông vận tải Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải bền vững, liên hoàn, liên kết giữa các phương thức vận tải. Hệ thống đường bộ là xương sống gắn với hệ thống đường thuỷ và đường hàng không, nối liền các trung tâm chính trị kinh tế - văn hoá, các khu công nghiệp, cửa khẩu biên giới và nối thông với hệ thống giao thông của khu vực, gắn với việc bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Phát triển giao thông nông thôn đáp ứng được tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới, gắn kết với mạng giao thông đường tỉnh và quốc gia, tạo sự liên hoàn, thông suốt với chi phí vận tải hợp lý. Coi trọng công tác bảo trì, đảm bảo khai thác hiệu quả bền vững kết cấu hạ tầng giao thông vận tải. Nhanh chóng phát triển giao thông vận tải công cộng tại thành phố Sơn La và các đô thị, bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào đầu tư xây dựng và bảo trì mạng lưới giao thông vận tải với mục tiêu hạn chế ô nhiễm môi trường và tiết kiệm chi phí. Coi trọng việc phát triển nguồn nhân lực cho nhu cầu phát triển ngành.

- Xã hội hóa việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông; huy động tối đa mọi nguồn lực, coi trọng nguồn lực trong nước; người sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông có trách nhiệm đóng góp phí sử dụng để bảo trì và tái đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông.

- Dành quỹ đất hợp lý để phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và đảm bảo hành lang an toàn giao thông.

2. Mục tiêu đến năm 2020

a) Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng mạng lưới giao thông vận tải của tỉnh thành một hệ thống thống nhất, liên hoàn kết nối các vùng kinh tế động lực, vùng kinh tế trọng điểm, các khu vực sản xuất tập trung, các trung tâm hành chính và các cụm dân cư; đảm bảo liên thông hệ thống giao thông của vùng, cả nước đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh đến năm 2020.

- Phát triển giao thông vận tải đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ cho công tác phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu sản xuất phục vụ cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đảm bảo an ninh quốc phòng của tỉnh và khu vực Tây Bắc, tạo điều kiện thúc đẩy và hội nhập kinh tế với cả nước và khu vực.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đường bộ: *24%*

+ Kêu gọi các Nhà đầu tư triển khai đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu theo quy hoạch, bằng hình thức đối tác công - tư (PPP);

+ Đối với mạng lưới đường bộ chính (*quốc lộ, đường tỉnh*): Đầu tư xây dựng hoàn thành các tuyến đường theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 của trung ương và địa phương; các tuyến quốc lộ còn lại (*không nằm trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn*) tận dụng tối đa nguồn vốn quỹ bảo trì đường bộ để nâng cấp mặt đường nhựa, bổ sung và kiên cố hóa các công trình trên tuyến; đảm bảo 100% các tuyến đường được quản lý, duy tu và bảo dưỡng; đồng thời, rà soát kiến nghị Bộ GTVT cho phép chuyển một số tuyến đường tính đủ điều kiện thành quốc lộ;

+ Đối với mạng lưới đường GTNT: Đẩy mạnh phong trào phát triển đường GTNT gắn với các Chương trình, Đề án giảm nghèo bền vững; ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng lòng hồ thủy điện Hòa Bình, Sơn La và đặc biệt là chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; phấn đấu đến năm 2020, đầu tư nâng cấp để 100% đường ô tô đến trung tâm xã đi được 4 mùa; tập trung phát triển đường giao thông đến bản (*cơ bản bê tông hóa đường nội bộ bản tại các điểm có dân cư bố trí tập trung*), phấn đấu đến năm 2020 có 45,2% (85 xã) số xã đạt tiêu chí số 02 về xây dựng nông thôn mới; coi trọng công tác quản lý, bảo trì các tuyến đường GTNT;

+ Đường đô thị: Từng bước xây dựng hệ thống đường đô thị theo quy hoạch, đáp ứng tiến trình đô thị hoá; đảm bảo quỹ đất để phát triển giao thông;

+ Mật độ đường giao thông: Phấn đấu đến năm 2020 đạt 0,82 Km/Km².

- Đường thủy: Từng bước hoàn thiện mạng lưới bến thủy nội địa, đầu tư chiều sâu, nâng cấp và xây dựng mới các cảng đầu mối, cảng chuyên dùng, bến hàng hoá và hành khách kết nối với hệ thống đường bộ, kịp thời điều chỉnh và khai thác có hiệu quả các tuyến vận tải hàng hoá, hành khách và du lịch, đặc biệt trên lòng hồ sông Đà.

- Hàng không: Tiếp tục kêu gọi các Nhà đầu tư đầu tư cải tạo, nâng cấp cảng hàng không Nà Sản, đảm bảo có thể đưa vào khai thác trong giai đoạn 2020-2030.

- Tổ chức vận tải: Tổ chức khoa học mạng lưới vận tải đường bộ, đường thủy trong tỉnh tạo thành một mạng lưới vận tải thông suốt và cơ động. Phối hợp chặt chẽ giữa các loại hình và lực lượng tham gia vận tải, đáp ứng nhu cầu vận tải phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng và khối lượng vận tải hàng hoá, hành khách, khuyến khích đối với tất cả các thành phần kinh tế tham gia, chú trọng phát triển các tuyến vận tải lên các xã vùng cao, biên giới, vùng sâu, vùng xa hẻo lánh.

- Kết cấu hạ tầng dịch vụ hỗ trợ vận tải: Từng bước xây dựng các bến, bãi đỗ, trạm nghỉ, trạm đăng kiểm, các trung tâm đào tạo sát hạch và các bến kỹ thuật dành riêng cho xe buýt, bến xe taxi, các bãi đỗ xe chính, các đầu mối trung chuyển hành khách. Phát triển các cơ sở công nghiệp giao thông, các trung tâm cứu hộ giao thông đặc biệt đối với mạng lưới giao thông đường bộ. *Quản lý*

3. Định hướng đến năm 2030: Đến năm 2030 sẽ cơ bản hoàn thiện mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông đạt tiêu chuẩn kỹ thuật; có một số công trình giao thông hiện đại; kết nối thuận lợi với hệ thống đường bộ ASEAN qua khu vực các cửa khẩu quốc gia, cửa khẩu phụ. Chất lượng vận tải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quốc tế: êm thuận, nhanh chóng, an toàn và kết nối hợp lý giữa các phương thức vận tải đường bộ - đường thủy - đường hàng không.

- Đường bộ:

+ Xây dựng hoàn thành và đưa vào khai thác tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu; đồng thời, triển khai xây dựng, nâng cấp các tuyến đường đảm bảo kết nối và khai thác hiệu quả tuyến đường cao tốc; xây dựng các tuyến quốc lộ tránh đô thị, hình thành đường vành đai đô thị; tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện các tuyến quốc lộ, đường tỉnh theo quy hoạch, nhằm tạo ra sự gắn kết giữa các trung tâm hành chính, kinh tế - cụm khu công nghiệp - cửa khẩu - các khu du lịch trên địa bàn tỉnh;

+ Đối với đường GTNT: Đầu tư cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường huyện đạt tiêu chuẩn đường GTNT đến cấp V_{mn} hoàn chỉnh, đảm bảo 100% tuyến đường huyện được cứng hóa; đầu tư nâng cấp và kiên cố hoá các tuyến đường xã trên địa bàn;

+ Xây dựng hệ thống đường chuyên dùng, đường đô thị theo quy hoạch đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng;

+ Xây dựng các nút giao khác mức tại các giao lộ lớn. Xây dựng đường gom và các điểm đầu nối của các khu đô thị, công nghiệp, kinh tế, dân cư, thương mại - dịch vụ và các đường khác vào đường chính hoặc vào đường nhánh trước khi đầu nối vào đường chính theo quy hoạch được duyệt;

+ Hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ vận tải (*bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ...*) và các dịch vụ hỗ trợ vận tải để nâng cao chất lượng, chuyên nghiệp hoá dịch vụ vận tải đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Đường thủy: Hiện đại hóa một số cảng đầu mối, cảng chuyên dùng; nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa bốc xếp đối với các cảng; xây dựng một số cảng khách, bến khách trên hồ sông Đà.

- Hàng không: Đầu tư hoàn thành và đưa vào khai thác cảng hàng không Nà Sản, đáp ứng nhu cầu khai thác nội địa và quốc tế, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng.

- Tổ chức vận tải: Hoàn thiện mạng lưới các tuyến vận tải đảm bảo đến được tất cả các trung tâm xã, các bản và kết nối với hệ thống giao thông trên địa bàn, chuyên nghiệp hoá và nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải. Phát triển vận tải ở các đô thị theo hướng sử dụng vận tải công cộng là chính, đảm bảo hiện đại, tiện lợi và bảo đảm trật tự an toàn giao thông đô thị.

II. Quy hoạch phát triển vận tải

- Quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định: Tiếp tục điều chỉnh tăng tần suất chạy xe của các tuyến hiện có sao cho phù hợp, nhằm đáp ứng

kịp thời, đầy đủ nhu cầu đi lại của nhân dân. Đối với các tuyến có lưu lượng hành khách đi lại lớn tăng tần suất từ 08 đến 10 chuyến xe/ngày và các tuyến có lưu lượng hành khách đi lại thấp hơn tăng tần suất từ 03 đến 05 chuyến xe/ngày.

- Quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt: Đến năm 2020, định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La có 30 - 35 tuyến xe buýt; số lượng phương tiện khoảng 200 - 300 chiếc.

III. Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông

1. Quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ

a) Hệ thống cao tốc: Quy hoạch tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Sơn La theo quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 01/3/2016. Trong đó: Giai đoạn đến năm 2020: Kêu gọi các Nhà đầu tư triển khai thực hiện trước đoạn Hòa Bình - Mộc Châu; Giai đoạn 2020-2030: Đầu tư hoàn thành và đưa vào khai thác đoạn Hòa Bình - Mộc Châu và tiếp tục kêu gọi đầu tư xây dựng đoạn Mộc Châu - Sơn La.

b) Hệ thống Quốc lộ: Giai đoạn đến 2020 và định hướng đến 2030 có tổng số 13 tuyến/1.257Km. Trong đó: Giai đoạn đến 2020 tập trung đầu tư xây dựng hoàn thành các đoạn tuyến trên QL.37 (bao gồm: Đoạn qua Đèo Chẹn và đoạn Tạ Khoa - Đèo Chẹn) theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 của Bộ GTVT; các đoạn tuyến quốc lộ còn lại, từng bước đầu tư nâng cấp mặt đường thảm bê tông nhựa, mở rộng mặt đường đến mép rãnh, bổ sung và hoàn chỉnh các công trình trên tuyến, đạt tiêu chuẩn đường từ cấp $V_{mn}-IV_{mn}$, các đoạn qua khu dân cư mở rộng theo quy hoạch; coi trọng công tác quản lý bảo trì các tuyến đường quốc lộ trên địa bàn; đồng thời, rà soát kiến nghị với Bộ GTVT kéo dài hoặc chuyển một số tuyến đường tỉnh đủ tiêu chuẩn thành quốc lộ, bao gồm: (1) Kéo dài QL.37 thêm 43Km theo hướng ĐT.113 đoạn Nà Ốt - Phiêng Cầm - Thị trấn Sông Mã; (2) Kéo dài QL.4G thêm 40Km theo hướng từ Sốp Cộp - Cửa khẩu Lạnh Bính; (3) Kéo dài QL.279C thêm 64Km theo hướng ĐT.105 đoạn Sốp Cộp - Mường Lèo; (4) Chuyển các tuyến trục dọc sông Đà gồm: ĐT.114 đoạn Đông Ngê - Mường Bang - Huy Hạ; ĐT.111 đoạn Bắc Yên - Mường La; ĐT.112 Bắc Yên - Trạm Tấu và ĐT.109 đoạn Mường La - Ngọc Chiến dài 168Km thành Quốc lộ 37B; (5) Chuyển tuyến ĐT.102 đoạn Thanh Hóa - Xuân Nha - Chiềng Sơn - QL.43 dài 60Km thành QL.15C.

c) Hệ thống đường tỉnh: Đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, toàn tỉnh Sơn La có 18 tuyến Đường tỉnh với tổng chiều dài 1.364Km, giải pháp quy hoạch cụ thể như sau:

- Tập trung đầu tư hoàn thành 08 tuyến đường tỉnh, gồm: ĐT.101 (đoạn Mường Tè - Quang Minh); ĐT.102 (Mường Sang - Chiềng Khừa); ĐT.104 (đoạn Tân Lập - Tân Hợp); ĐT.105 (đoạn Púng Bính - Mường Lèo); ĐT.111 (đoạn Bắc Yên - Mường La); ĐT.113 (đoạn Nà Ốt - Phiêng Cầm và đoạn Chiềng Sơ - Nậm Ty - Chiềng Phung); ĐT.114 (đoạn Suối Tre - Mường Bang); ĐT.117 (đoạn ~~đoạn~~

Chiềng Bôm - Mường É và đoạn Chiềng Bôm - Mường Chanh) theo Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh với quy mô tối thiểu đạt tiêu chuẩn từ đường GTNT đến cấp V_{mn} , các đoạn qua trung tâm xã, thị trấn được mở rộng theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới; các tuyến đường tỉnh còn lại tập trung duy tu, sửa chữa và bảo trì, đảm bảo giao thông được thông suốt, êm thuận.

- Căn cứ vai trò ý nghĩa phục vụ, tầm quan trọng của từng tuyến đường, xem xét kéo dài một số tuyến đường tỉnh và chuyển một số tuyến đường huyện đủ điều kiện thành đường tỉnh.

d) Hệ thống Đường huyện: Đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, toàn tỉnh Sơn La có 118 tuyến với tổng chiều dài 1.776,5Km (*đã bao gồm 07 tuyến/210Km đường tuần tra biên giới*); trong đó, tập trung đầu tư nâng cấp để 100% đường ô tô đến trung tâm xã đi được 4 mùa, quy mô tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường GTNT loại A đến cấp V_{mn} , đoạn qua các đô thị theo quy hoạch được duyệt; tiếp tục đầu tư các tuyến đường tuần tra biên giới Việt Nam - Lào theo Đề án quy hoạch đường tuần tra biên giới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 313/QĐ-TTg ngày 14/3/2007 với tổng chiều dài trên địa phận tỉnh Sơn La là 662Km.

e) Hệ thống đường Đô thị

- Quy hoạch phát triển giao thông đô thị phải tuân thủ với quy hoạch phát triển không gian, kiến trúc đô thị. Phát triển hệ thống giao thông vận tải đường đô thị bảo đảm tính thống nhất, cân đối, đồng bộ, liên hoàn với mạng lưới giao thông vận tải của tỉnh, của khu vực và quốc gia. Trong đó, tập trung xây dựng để đến năm 2020, có thành phố Sơn La đạt đô thị loại II; các thị trấn Ít Ong, Hát Lót, Mộc Châu và Nông trường Mộc Châu đạt đô thị loại IV và hình thành thêm 04 đô thị loại V.

- Quy hoạch hệ thống đường đô thị tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 phải đáp ứng được các tiêu chí cơ bản về tỷ lệ quỹ đất dành cho giao thông đô thị theo tiêu chuẩn, quy chuẩn giao thông đô thị hiện hành như: Đối với đô thị loại II đạt 21% đến 23%; đô thị loại III đạt 18% đến 20%; đô thị loại IV, loại V đạt 16% đến 18%.

- Ngoài ra cần tuân thủ các quy định về quy hoạch giao thông đô thị được quy định tại Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về Quy hoạch xây dựng QCVN 01: 2008/BXD.

f) Hệ thống đường xã

- Quy hoạch đến năm 2020: Toàn tỉnh có tổng số 1.454 tuyến đường xã với chiều dài 5.316Km. Trong đó, ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường giao thông trục bản, tiểu khu, tổ dân phố... theo các tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới; phấn đấu đến năm 2020 có 85 xã (45,2%) đạt tiêu chí số 2 (*tiêu chí giao thông*) trong bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

- Huy động mọi nguồn lực, theo hình thức nhân dân làm là chính, Nhà nước hỗ trợ vật tư chủ yếu và công nghệ thuật; khuyến khích mở đường ô tô, đối với khu vực có địa hình khó khăn mở đường thô sơ. *anh*

- Nâng cấp đường xã, liên xã quan trọng lên thành đường huyện, cải tuyến kéo dài đường xã qua những khu vực cần thiết.

g) Đường chuyên dùng: Phối hợp với các nhà đầu tư xây dựng, nâng cấp cải tạo, kiên cố hoá đối với các tuyến đường chuyên dùng ngoài việc phục vụ sản xuất của nhà đầu tư còn phục vụ phát triển đời sống dân sinh, phát triển kinh tế của khu vực.

h) Kết cấu hạ tầng hỗ trợ dịch vụ vận tải

- Bến xe khách: Đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tổng số có 52 bến xe khách các loại (trong đó: Cải tạo, nâng cấp 11 bến xe khách hiện có và xây dựng mới thêm 41 bến xe khách) đáp ứng nhu cầu đi lại, phát triển kinh tế - xã hội của nhân dân.

- Bãi đỗ xe tĩnh: Quy hoạch tổng số có 91 bãi (bao gồm, quy hoạch xây dựng mới 88 bến, giữ nguyên 3 bến). Trong đó: huyện Quỳnh Nhai 09 bãi, huyện Thuận Châu 05 bãi, huyện Mường La 02 bãi, thành phố Sơn La 20 bãi; huyện Mai Sơn 12 bãi, huyện Bắc Yên 06 bãi, huyện Mộc Châu 17 bãi, huyện Vân Hồ 02 bãi, huyện Yên Châu 05 bãi, huyện Sông Mã 05 bãi, huyện Sốp Cộp 04 bãi, huyện Phù Yên 04 bãi.

- Điểm dừng đón trả khách: Quy hoạch tổng số có 98 điểm, trong đó: huyện Quỳnh Nhai 05 điểm, huyện Thuận Châu 12 điểm, huyện Mường La 04 điểm, thành phố Sơn La 01 điểm, huyện Mai Sơn 13 điểm, huyện Bắc Yên 10 điểm, huyện Mộc Châu 13 điểm, huyện Vân Hồ 05 điểm, huyện Yên Châu 11 điểm, huyện Sông Mã 05 điểm, huyện Sốp Cộp 05 điểm, huyện Phù Yên 14 điểm.

- Trạm dừng nghỉ: Quy hoạch tổng số có 03 trạm, trong đó: Huyện Vân Hồ 01 trạm; huyện Quỳnh Nhai 01 trạm; huyện Phù Yên 01 trạm.

- Điểm dừng nghỉ: Quy hoạch tổng số có 15 điểm, trong đó: huyện Quỳnh Nhai 02 điểm, huyện Thuận Châu 01 điểm, huyện Mường La 01 điểm, huyện Mai Sơn 03 điểm, huyện Bắc Yên 01 điểm, huyện Yên Châu 01 điểm, huyện Sông Mã 02 điểm, huyện Sốp Cộp 02 điểm, huyện Phù Yên 02 điểm.

- Trạm kiểm tra tải trọng xe cố định: Quy hoạch 01 trạm, tại đoạn Km260-Km280, QL.6.

- Trung tâm cứu hộ đường bộ: Quy hoạch 01 trung tâm cứu hộ đường bộ, tại Km264+600, QL.6.

2. Quy hoạch giao thông đường thủy nội địa

a) Sông Đà

- Các tuyến đường thủy nội địa: Trên địa bàn tỉnh có 01 tuyến đường thủy nội địa Quốc gia Sông Đà, đạt cấp III, với chiều dài 234Km, điểm đầu tại cảng Ba Cấp đến hạ lưu đập thủy điện Lai Châu.

- Hệ thống bến, cảng đường thủy nội địa: Quy hoạch tổng số 200 cảng và bến thủy nội địa (bao gồm: 15 cảng; 67 bến hàng hóa, hành khách; 118 bến khách ngang sông). Trong đó, giai đoạn đến năm 2020 tập trung đầu tư, nâng cấp 04 ~~trạm~~

cảng thủy nội địa (*cảng Bàn Kết, cảng Tà Hộc, cảng Vạn Yên; cảng Pá Uôn*) và xây dựng các bến thủy nội địa theo các chương trình, đề án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Sông Mã: Từng bước xây dựng, cải tạo kiên cố hoá một số bến đò ngang sông nằm tại các vị trí có lưu lượng lớn, các trung tâm xã, cụm dân cư dọc sông.

3. Quy hoạch cảng hàng không Nà Sản: Cảng hàng không Nà Sản nằm trong Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải hàng không đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 08/01/2009. Quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Nà Sản - tỉnh Sơn La giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được Bộ GTVT phê duyệt tại Quyết định số 249/QĐ-BGTVT ngày 21/01/2015 với quy mô cảng hàng không cấp 4C (theo ICAO) và sân bay quân sự cấp I. Trong đó, giai đoạn đến năm 2020, tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành trung ương kêu gọi đầu tư triển khai thực hiện dự án; giai đoạn 2020-2030 đầu tư hoàn thành và đưa vào khai thác.

4. Quy hoạch phát triển đào tạo, đăng kiểm giao thông vận tải

- Đào tạo sát hạch: Quy hoạch đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh có 03 trung tâm đào tạo giấy phép lái xe các loại. Trong đó, thành phố Sơn La có 02 trung tâm và huyện Vân Hồ 01 trung tâm.

- Đăng kiểm: Quy hoạch đến năm 2020 có 06 dây chuyền kiểm định với 03 Trung tâm đăng kiểm, định hướng đến năm 2030 có 10 dây chuyền kiểm định với 05 Trung tâm đăng kiểm. Trong đó, thành phố Sơn La 02 trung tâm; Vân Hồ 01 trung tâm; Phù Yên 01 trung tâm; Sông Mã 01 trung tâm.

IV. Quỹ đất dành cho phát triển giao thông: Quỹ đất dành cho công trình giao thông bao gồm: Đất xây dựng công trình; đất quản lý, bảo trì, bảo vệ và đất bảo đảm an toàn cho công trình giao thông. Tổng quỹ đất dành cho giao thông là 35.897 ha.

V. Bảo vệ môi trường trong quy hoạch

- Nâng cao chất lượng giám sát và quản lý bảo vệ môi trường trong giao thông vận tải. Thực hiện đánh giá môi trường chiến lược từ khâu lập chiến lược, quy hoạch và đánh giá tác động môi trường từ khâu lập dự án đầu tư. Giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường trong các dự án xây dựng công trình và các cơ sở công nghiệp giao thông vận tải nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

- Áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, máy móc thiết bị, công nghệ thi công nhằm giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường thiên nhiên, hạn chế các khí thải, hiện tượng sạt lở, xói mòn đất và bồi lấp dòng chảy trong quá trình thi công đặc biệt đối với điều kiện địa hình miền núi.

- Các công trình giao thông và phương tiện vận tải phải có tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng phù hợp với các yêu cầu về bảo vệ môi trường; tăng cường

công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục và cưỡng chế thi hành pháp luật bảo vệ môi trường; xây dựng cơ chế chính sách phù hợp, quản lý đầu tư xây dựng nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường xã hội.

VI. Nhu cầu vốn đầu tư: Tổng nhu cầu vốn đầu tư cho cả thời kỳ quy hoạch 2016 - 2030 là 34.497 tỷ đồng. Trong đó: Giai đoạn 2016 - 2020 là 12.728 tỷ đồng; giai đoạn 2020 - 2030 là 21.769 tỷ đồng.

Danh mục đầu tư	Phân kỳ đầu tư (tỷ đồng)		
	Giai đoạn 2016-2020	Giai đoạn 2020-2030	Tổng số
Tổng nhu cầu vốn	12.728	21.769	34.497
- Giao thông đường bộ	12.223	20.157	32.380
+ Hệ thống đường bộ	10.507	16.865	27.372
+ Bảo trì đường giao thông	1.546	3.092	4.639
+ Hạ tầng hỗ trợ dịch vụ vận tải	170	200	370
- Giao thông đường thủy	375	532	907
- Giao thông đường không	-	1.000	1.000
- Công nghiệp GTVT	130	80	210

- Cơ cấu nguồn vốn

STT	Nguồn vốn	Tổng cộng	Giai đoạn 2016-2020	Giai đoạn 2020-2030
	Tổng cộng	34.497	12.728	21.769
1	Nguồn vốn Nhà nước	24.099	8.156	15.943
-	Trung ương	6.464	2.988	3.476
-	Địa phương	17.635	5.168	12.467
2	Nguồn vốn ngoài Nhà nước	10.398	4.572	5.826

VII. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2016 - 2020: Tập trung ưu tiên nâng cấp cải tạo các tuyến đường giao thông quan trọng có vai trò quyết định trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (như: hệ thống quốc lộ, tỉnh lộ, cứng hoá đường đến trung tâm xã, các công trình thiết yếu phục vụ nhu cầu cấp bách của nhân dân).

1. Giao thông đường bộ

a) Cao tốc: Kiến nghị với Bộ GTVT tìm kiếm nhà đầu tư thực hiện đầu tư trước đoạn tuyến cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu.

b) Quốc lộ: Giai đoạn 2016 - 2020 hoàn thành việc đầu tư cải tạo, nâng cấp QL.6 đoạn Mộc Châu - Sơn La; QL.37 đoạn qua Đèo Chẹn và đoạn Tạ Khoa *gctv*

Đèo Chẹn; tiếp tục tìm kiếm Nhà đầu tư đầu tư hoàn thành dự án đường QL.6 tránh thành phố Sơn La; từng bước cải tạo, nâng cấp mặt đường (*thảm nhựa*) các đoạn tuyến QL.4G (*Sơn La - Sông Mã*); QL.6B (*Chiềng Pắc - Phiêng Lanh*); QL.12, QL.6C, QL.279 bằng nguồn vốn quỹ bảo trì đường bộ.

c) Đường tỉnh: Tập trung các nguồn lực đầu tư hoàn thành 04 tuyến đường tỉnh ĐT.101 đoạn Mường Tè – Quang Minh; ĐT. 104 đoạn Tân Lập – Tân Hợp; ĐT.105, đoạn Púng Bánh – Mường Lèo; ĐT.111 đoạn Bắc Yên – Mường La; ĐT.113 đoạn Nà Ót – Sông Mã; ĐT.114 đoạn Suối Tre – Mường Do để đảm bảo hoàn thành mục tiêu đến năm 2020 100% số xã trên địa bàn có đường ô tô đi được 4 mùa.

d) Đường giao thông nông thôn: Tập trung nguồn lực cải tạo nâng cấp, nhựa hoá hoặc bê tông xi măng đường đến trung tâm các xã đảm bảo đi được 4 mùa; xây dựng hệ thống giao thông nông thôn các xã đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới (*có 85 xã = 45,2% tổng số xã đạt tiêu chí về giao thông*). Cải tạo nâng cấp, kéo dài các tuyến đường hiện có, mở mới các đoạn xung yếu các tuyến mới theo quy mô đã duyệt.

e) Hạ tầng hỗ trợ dịch vụ vận tải: Cơ bản cải tạo hoàn chỉnh các bến xe khách tại trung tâm huyện, thành phố, xây dựng cơ sở vật chất cần thiết đối với các bến xe khách tại các trung tâm cụm xã và trung tâm xã đã mở tuyến vận tải khách, dành quỹ đất và xây dựng một số bãi đỗ xe tĩnh có vai trò trọng yếu; đầu tư hoàn thành xây dựng trạm dừng nghỉ tại Mộc Châu.

2. Giao thông đường thủy: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp cơ sở đào thuyền viên để cấp chứng chỉ chuyên môn và bằng thuyền trưởng, thuyền trưởng hạng III. Đầu tư xây dựng một số bến khách ngang sông có lưu lượng tập trung lớn, phục vụ giao lưu phát triển kinh tế tại các trung tâm cụm xã và phát triển thương mại và du lịch dọc sông; mở các tuyến vận tải hành khách, hàng hoá và các tuyến vận tải phục vụ du lịch trên lòng hồ.

3. Giao thông đường không: Tiếp tục kêu gọi các Nhà đầu tư để đầu tư nâng cấp cảng hàng không Nà Sản theo quy hoạch.

4. Đào tạo, đăng kiểm giao thông vận tải: Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh trung tâm đăng kiểm cơ giới thủy bộ tại thành phố Sơn La; nâng cấp cơ sở đào tạo cấp GPLX đảm bảo đào tạo tất cả các hạng tại thành phố Sơn La. Đầu tư xây dựng cơ sở đào tạo tại huyện Vân Hồ.

VIII. CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp, chính sách quản lý nhà nước

- Tăng cường tuyên truyền, vận động nâng cao ý thức và trách nhiệm hơn nữa của các cấp chính quyền, tạo sự đồng thuận trong việc quản lý và thực hiện quy hoạch, giải phóng mặt bằng xây dựng các dự án hạ tầng theo quy hoạch.

- Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Sơn La sau khi được thẩm định, phê duyệt và công bố theo quy định, tiến hành lập kế hoạch để thực hiện quy-

hoạch, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt làm cơ sở để triển khai thực hiện, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về đầu tư, xây dựng.

- Song song với việc tăng cường công tác quản lý quy hoạch kết cấu hạ tầng, cần rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đảm bảo đúng quy định. Đặc biệt, coi trọng công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra thực hiện quy hoạch và xử lý nghiêm các vi phạm về quy hoạch.

2. Giải pháp, chính sách về thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn

- Tập trung thu hút đầu tư, đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút vốn ngoài ngân sách, như nguồn vốn của các doanh nghiệp, vốn của dân và vốn đầu tư nước ngoài dựa trên tính chất, quy mô công trình, năng lực các nhà đầu tư để đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đặc biệt là hạ tầng hỗ trợ dịch vụ vận tải (*như bến xe, bãi đỗ xe tĩnh...*) và giao thông đường thủy nội địa. Ngân sách tỉnh tập trung ưu tiên thực hiện việc đầu tư các tuyến đường giao thông nông thôn đến xã.

- Kiến nghị tăng mức vốn được phân bổ từ nguồn vốn ngân sách trung ương, vốn chương trình mục tiêu hàng năm và trong trung hạn cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải; ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các dự án kém hấp dẫn về mặt tài chính nhưng đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng.

- Nghiên cứu đề xuất, xây dựng các dự án đảm bảo các tiêu chuẩn, nhằm khai thác quỹ đất để tạo vốn đầu tư phát triển giao thông đường bộ theo Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ về Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Trong đó, khuyến khích áp dụng cơ chế nhà nước giao các tổ chức, cá nhân ứng vốn đầu tư thực hiện các dự án khai thác quỹ đất tạo vốn theo quy định của pháp luật để đầu tư xây dựng mới, mở rộng đường bộ theo quy hoạch phát triển khu đô thị, khu dân cư nông thôn.

- Chủ động, phối hợp có hiệu quả với các cấp, ngành có liên quan trong công tác vận động các Nhà tài trợ tiếp tục cung cấp ODA (*WB, ADB, JICA, các nguồn vốn phi Chính phủ khác...*) để tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đặc biệt là các công trình lớn, có sức lan tỏa, tạo được đột phá về phát triển kinh tế - xã hội của khu vực công trình đi qua.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp khi tham gia đầu tư các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng đặc biệt quan trọng, dự án đặc thù, tạo đột phá vùng như: Ưu tiên khai thác các dịch vụ hỗ trợ vận tải dọc tuyến đường bộ (*trạm xăng, trạm dừng nghỉ, trạm cân xe, kinh doanh dịch vụ quảng cáo...*); các chính sách hỗ trợ về tài chính, thuế, phí, lệ phí, nhượng quyền khai thác... để tăng tính thương mại của các dự án giao thông, bảo đảm lợi ích hài hòa giữa Nhà nước, Nhà đầu tư và Nhân dân.

- Vận dụng, phát huy sáng tạo Nghị quyết 115/2015/NQ-HĐND ngày 10/9/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho một số nội dung, công việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia *ch*

về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2015 - 2020, để thực hiện đầu tư cứng hóa hệ thống đường GTNT (*đường huyện, đường xã, đường trục bản, ngõ xóm, trục chính nội đồng*) theo phương châm "Nhân dân làm, nhà nước hỗ trợ"; cụ thể hóa chỉ tiêu của Tiêu chí số 2 (*giao thông*) để phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng nguồn lực của Tỉnh trong từng giai đoạn.

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư công hàng năm, nhằm tập trung nguồn lực để đầu tư xây dựng có trọng tâm, trọng điểm giải quyết các vấn đề mang tính nút thắt, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực. Đồng thời, rà soát cắt giảm các hạng mục công trình chưa cần thật sự cần thiết; siết chặt công tác quản lý vốn, tiến độ, chất lượng... nhằm tiết kiệm vốn đầu tư nhưng vẫn đảm bảo mục tiêu và hiệu quả của dự án.

- Đẩy mạnh việc sử dụng các nguồn vốn nhà nước thu lại được từ quá trình cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước... trên địa bàn để đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải.

3. Giải pháp, chính sách bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông

- Xây dựng, quản lý và cập nhật thường xuyên hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin về kết cấu hạ tầng giao thông vận tải; xây dựng các giải pháp nhằm tăng cường năng lực công tác lập kế hoạch bảo trì (*như áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý...*); đẩy mạnh ứng dụng công nghệ bảo trì mới (*như gia cố mái dốc taluy; cào bóc, tái chế...*); xây dựng thể chế và phát triển nguồn nhân lực cho công tác bảo trì.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ cho địa phương (*cấp xã*) thực hiện công tác tổ chức quản lý, khai thác, bảo dưỡng và duy tu các công trình kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng giao khoán cho xã, phường, tổ, bản... nhằm gắn trách nhiệm trong quản lý kết cấu hạ tầng giao thông.

4. Giải pháp, chính sách phát triển công nghiệp giao thông vận tải: Khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các doanh nghiệp công nghiệp giao thông vận tải mở rộng liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để huy động vốn, chuyển giao công nghệ, trao đổi kinh nghiệm trong quản lý, điều hành và thực hiện lộ trình nội địa hóa.

5. Giải pháp, chính sách đảm bảo trật tự an toàn giao thông

- Đẩy nhanh việc đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông một cách đồng bộ, đảm bảo hành lang an toàn, xử lý điểm đen trên tuyến... nhằm kiểm chế tai nạn giao thông, phấn đấu giảm số người chết vì tai nạn giao thông hàng năm.

- Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kết hợp với tăng cường công tác cưỡng chế thi hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông; tăng cường xây dựng các trạm kiểm soát tải trọng xe và tiến dần đến xử phạt thông qua hình ảnh. Bên cạnh đó, coi trọng công tác kiểm tra, giám sát, chống tiêu cực trong các lực lượng thi hành công vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông. *TAH*

- Nâng cao chất lượng đào tạo, sát hạch và quản lý người điều khiển phương tiện giao thông; chất lượng kiểm định phương tiện cơ giới.

- Tăng cường công tác cứu hộ, cứu nạn để giảm thiểu thiệt hại do tai nạn giao thông; nâng cao chất lượng kiểm định, quản lý các phương tiện đã hết hạn sử dụng.

6. Giải pháp, chính sách về khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường

- Triển khai áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật trong các lĩnh vực tư vấn, thi công, bảo trì... trong lĩnh vực giao thông vận tải. Khuyến khích áp dụng công nghệ mới, vật liệu mới; áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành; xây dựng các trung tâm kiểm định, quản lý chất lượng xây lắp công trình.

- Hiện đại hóa phương tiện vận tải, thiết bị xếp dỡ; áp dụng các công nghệ vận tải tiên tiến; áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành và khai thác; nâng cao năng lực các trung tâm thí nghiệm, thử nghiệm trong ngành giao thông vận tải...

7. Giải pháp, chính sách phát triển nguồn nhân lực

- Mở rộng các hình thức đào tạo, đào tạo lại; xã hội hóa công tác đào tạo để nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, công chức, viên chức và người lao động; áp dụng chế độ tuyển dụng công khai thông qua thi tuyển, thử việc.

- Có chính sách tiền lương và các chế độ ưu đãi đối với người lao động trong điều kiện lao động đặc thù của ngành giao thông, đặc biệt là công tác bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông ở các vùng sâu, vùng xa, lao động nặng nhọc, nguy hiểm...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 12/01/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Sơn La giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến 2030.

Điều 3. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm tổ chức công bố, triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định của Nhà nước.

Điều 4. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh; (báo cáo)
- Đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT (Đạt). 50 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Đức Hải